TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:268/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28–7–2022

"V/v ly hôn giữa
Anh Q và chị O"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thiện Nhân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài– Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1984
Địa chỉ: Số 123, tổ 4, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An G
Bị đơn: Chị Trần Thị Thu O, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 4, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh Q trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị O tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng đến huyện P, tỉnh Kiên G làm thuê sinh sống. Hàng ngày anh Q đi làm thuê kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình, Chị O ở nhà chăm sóc các con. Năm 2016, vợ chồng trở về xã P sinh sống, lúc này anh Q phát hiện trong thời gian ở huyện P chị O đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Gia đình hai bên khuyên bảo, chị O hứa sẽ tiếp tục chung sống với chồng con nên anh bỏ qua cho chị. Sau đó vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân sinh sống thì

O lại bỏ đi theo tình nhân. Nhiều lần anh điện thoại cho chị O để kêu O về chung sống nhưng chị không đồng ý. Vợ chồng ly thân từ năm 2016. Thời gian gần đây anh Q biết được chị O đã có chồng khác và đã có 02 đứa con. Nay anh không còn tình cảm với chị O nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Thị Thu O.

Về con chung: Anh Q và chị O có hai con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 23/12/2011 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 04/12/2009, hiện nay các con đang sống với anh Q, anh yêu cầu tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không

Về nợ: Không

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Võ Thị S là bà ngoại của chị O cho biết: Anh Q và chị O không chung sống với nhau nhiều năm nay và chị O đã có chồng khác. Hiện nay chị O ở đâu bà không biết, nhiều năm nay O không về thăm bà và các con, anh Q thỉnh thoảng gửi tiền về nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị Thu O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh Q và chị O có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị O không chung thủy với anh Q. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên anh Q yêu cầu xin ly hôn với chị O.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau… Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau…". Thế nhưng vợ chồng anh Q và chị O đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Q được ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh Q và chị O có hai con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 23/12/2011 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 04/12/2009, hiện nay các con đang sống với anh Q, anh yêu cầu tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng..

Anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu G và cháu D, không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho con. Xét thấy, Từ khi chị O bỏ đi cháu Duy và cháu G được anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, các cháu có nguyện vọng sống với anh Q. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Duy và cháu G cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Minh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Chị Trần Thị Thu O nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị O với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An G nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An G.

Bị đơn chị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Q và chị O tiến tới hôn nhân năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Ngày 29/9/2008 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã, huyện A, tỉnh An Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do chị O quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và bỏ đi đến nay. Anh chị ly thân từ năm 2016 đến nay. Thời gian ly thân anh Q nhiều lần hàn gắn nhưng chị O không đồng ý, chị đã chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác và đã có 02 con. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, chị O vi phạm nghĩa vụ chung thủy, vợ chồng không chung sống với nhau. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của anh Q là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận anh Nguyễn Minh Q được ly hôn với chị Trần Thị Thu O.

[3] Về con chung: Anh Q và chị O có hai con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 23/12/2011 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 04/12/2009, hiện nay các con đang sống với anh Q, anh yêu cầu tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng. Cháu G và cháu D được anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, hai cháu có nguyện vọng sống với cha. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu G và cháu D cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Q không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho con nên chị O không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về chia tài sản: Không

[5] Về nợ chung: Ghi nhận anh Q xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nguyễn Minh Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Q được ly hôn với chị Trần Thị Thu O.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh Q được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 23/12/2011 và Nguyễn Chí D, sinh ngày 04/12/2009, hiện nay các cháu đang sống với anh Q. Chị O không phải cấp dưỡng cho cháu G và cháu D.

Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị O trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh Q xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh Q phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004317 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị O không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An G;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Lý Thị Rỡ